

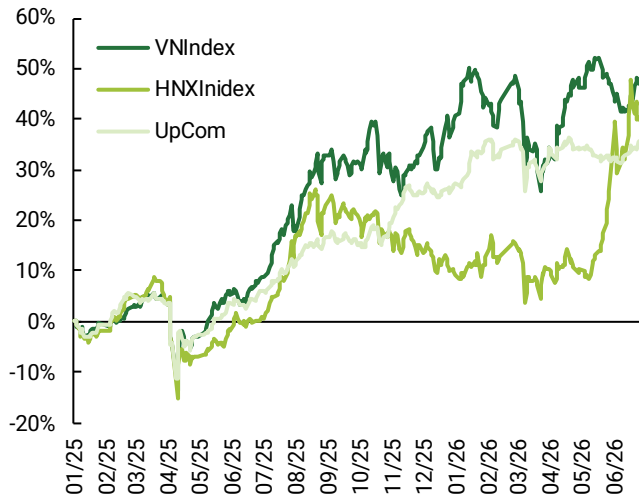
VN-Index **1854.97 (-0.90%)**
646 Tr. cổ phiếu 17495.4 Tỷ VND (8.08%)

HNX-Index **317.99 (0.05%)**
59 Tr. cổ phiếu 976.7 Tỷ VND (28.40%)

UPCOM-Index **129.32 (0.31%)**
19 Tr. cổ phiếu 311.2 Tỷ VND (-66.53%)

VN30F1M **2010.00 (-0.10%)**
114,705 HD OI: 29,841 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1855.0, giảm -16.9 điểm (-0.90%). Thanh khoản tăng với độ rộng thị trường nghiêng về bên mua. Sắc đỏ cũng ghi nhận ở VN30 trong khi HNXIndex tăng điểm.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Chỉ số vẫn kết phiên trong sắc đỏ trước sức ép từ nhóm Vingroup, dù nhóm Ngân hàng trở lại hút tiền nhưng chưa thể giúp VN-Index lấy lại sắc xanh. Điểm tích cực là mặt bằng cổ phiếu giữ trạng thái cân bằng, không phản ứng quá tiêu cực trước áp lực hạ nhiệt từ các trụ lớn.
- Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Ngân hàng: BID (+1.7%), VIB (+2.5%), LPB (+3.2%) | Công nghiệp: HHV (+4.0%), FCN (+5.1%), VCG (+6.9%) | Hóa chất: GVR (+1.6%), PHR (+2.0%), DGC (+2.2%) | Dầu khí: PLX (+1.2%), PVD (+3.3%). Diễn biến yếu: Bất động sản: VIC (-4.7%), VHM (-3.7%), VRE (-2.7%) | Công nghệ: FPT (-0.6%), CMG (-0.2%).
Tác động chỉ số: Chiều tăng | LPB, BID, MCH, VCB, MBB - Chiều giảm | VIC, VHM, TCX, VRE, SAB
Khối ngoại Bán ròng gần 800 tỷ đồng, tập trung nhiều ở VHM, VIC, FPT, trong khi mua ròng MWG, VCB, HPG.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** vẫn kết phiên trong sắc đỏ trước sức ép từ nhóm Vingroup, dù vậy, dòng tiền giữ trạng thái luân chuyển linh hoạt, với giao dịch tích cực ghi nhận tại nhóm Ngân hàng, Đầu tư công. Trong ngắn hạn, chỉ số khả năng tiếp tục rung lắc quanh vùng 1850 - 1870 điểm nhằm kiểm định thêm cung cầu. Về mặt kỹ thuật, MACD vẫn giữ trên đường tín hiệu nhưng RSI có dấu hiệu suy giảm về gần ngưỡng trung bình. Nếu lực cầu không cải thiện rõ rệt trong các phiên tới, áp lực điều chỉnh có thể quay lại chi phối diễn biến thị trường. Hỗ trợ gần cần chú ý quanh khu vực 1825 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số tiếp tục dao động mạnh trên vùng cao. Vận động đang chịu ảnh hưởng bởi biến động ở mã THD và KSF, rủi ro rung lắc hiện hữu nếu các cổ phiếu này mất đà.
- **Chiến lược:** Vị thế nghiêng về Nắm giữ. Mặt bằng cổ phiếu đang cho trạng thái cân bằng tốt quanh các vùng hỗ trợ ngắn hạn. Tuy nhiên, động lực bứt phá vẫn chưa rõ ràng. Rủi ro sẽ xuất hiện nếu chỉ số tiếp tục điều chỉnh. Trong bối cảnh đó, trạng thái vận động ở từng mã sẽ phân hóa, nhà đầu tư nên theo dõi sát diễn biến dòng tiền và cấu trúc giá của từng cổ phiếu để quản trị rủi ro phù hợp. Tránh mua bình quân khi xu hướng kiểm định chưa rõ ràng, cũng như hạn chế tâm lý hưng phấn khi giá chưa thực sự bứt phá khỏi kháng cự.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Chốt lời POW (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,855.0 ▼	-0.9%	-0.2%	-0.5%	17,495.4 ▲	8.1%	19.6%	-10.9%	646.4 ▲	13.0%	24.6%	-6.3%
HNX-Index	318.0 ▬	0.1%	-1.0%	7.8%	976.7 ▲	28.4%	29.5%	11.0%	58.8 ▲	28.0%	53.4%	18.0%
UPCOM-Index	129.3 ▬	0.31%	1.2%	3.3%	311.2 ▼	-66.5%	-32.8%	-27.2%	18.7 ▼	-67.8%	-26.6%	-55.5%
VN30	2,004.3 ▼	-0.2%	1.2%	0.4%	10,448.5 ▲	11.0%	27.7%	-12.4%	259.5 ▲	15.5%	20.5%	-14.0%
VNMID	2,121.2 ▬	0.69%	-1.3%	-1.3%	6,006.2 ▲	16.9%	11.3%	-4.5%	286.4 ▲	23.9%	19.3%	-6.3%
VNSML	1,339.2 ▼	-0.09%	-0.6%	-1.6%	515.5 ▼	-33.8%	-8.4%	-39.6%	38.0 ▼	-32.6%	-18.4%	-37.9%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	660.3 ▲	1.3%	3.05%	2.2%	5,727.8 ▲	25.1%	-19.9%	4.4%	234.7 ▲	28.8%	-8.9%	3.0%
Bất động sản	990.6 ▼	-3.8%	-0.8%	1.3%	3,137.7 ▼	-12.2%	-21.8%	-14.4%	72.5 ▲	2.9%	-15.5%	-19.3%
Dịch vụ tài chính	314.7 ▼	-0.2%	-0.1%	1.9%	2,555.6 ▲	6.6%	4.3%	15.3%	114.8 ▬	0.1%	-0.2%	9.6%
Công nghiệp	261.3 ▬	0.9%	-1.1%	-4.1%	607.1 ▼	-14.5%	-16.8%	-26.3%	17.2 ▼	-22.9%	-22.7%	-30.9%
Tài nguyên cơ bản	519.6 ▬	0.6%	0.1%	-1.7%	436.1 ▼	-10.9%	-11.4%	-13.2%	21.4 ▼	-12.9%	-12.8%	-14.4%
Xây dựng - Vật Liệu	171.4 ▲	1.4%	0.3%	2.3%	766.3 ▲	56.4%	26.4%	19.0%	40.2 ▲	81.5%	29.9%	17.1%
Thực phẩm	483.5 ▬	0.7%	-7.3%	-29.6%	1,099.6 ▲	5.2%	11.3%	10.9%	25.0 ▲	19.0%	7.1%	5.0%
Bán Lẻ	1,453.1 ▬	0.9%	1.1%	2.7%	608.5 ▼	-22.1%	-7.9%	6.4%	8.3 ▼	-18.4%	-7.0%	5.6%
Công nghệ	385.7 ▼	-0.6%	-0.3%	-1.5%	489.0 ▲	23.7%	-4.5%	-36.3%	8.0 ▲	31.3%	0.8%	-32.8%
Hóa chất	171.4 ▲	1.5%	-4.6%	-5.8%	255.9 ▼	-19.4%	-23.7%	-21.2%	9.1 ▼	-9.7%	-19.5%	-15.8%
Tiện ích	746.3 ▬	0.7%	-2.5%	-5.1%	319.4 ▼	-46.4%	-27.1%	2.4%	18.4 ▼	-35.2%	-12.8%	28.0%
Dầu khí	100.8 ▲	1.0%	-5.7%	-13.8%	447.4 ▲	40.4%	-4.45%	11.4%	16.0 ▲	43.8%	-4.1%	19.9%
Dược phẩm	403.9 ▼	-0.35%	-0.6%	-1.7%	31.6 ▲	25.3%	-2.1%	-27.6%	1.2 ▼	-5.7%	-2.6%	-35.7%
Bảo hiểm	102.5 ▲	2.0%	-1.4%	-3.7%	46.4 ▲	73.1%	29.8%	59.0%	0.9 ▲	26.8%	20.1%	40.1%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,855.0 ▼	-0.90%	3.9%	15.2x	2.1x
SET-Index	Thái Lan	1,578 ▲	2.30%	25.3%	16.2x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	5,821 ▼	-1.28%	-32.7%	13.7x	1.6x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,380 ▬	0.12%	0.6%	15.3x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,133 ▲	1.01%	1.3%	9.3x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,074 ▲	1.16%	2.6%	20.0x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	23,027 ▲	1.57%	-10.2%	11.7x	1.2x
Nikkei 225	Nhật Bản	69,468 ▬	0.15%	38.0%	25.5x	3.2x
S&P 500	Mỹ	7,354 ▼	-0.05%	7.4%	27.1x	5.6x
Dow Jones	Mỹ	51,876 ▼	-0.09%	7.9%	24.9x	6.0x
FTSE 100	Anh	10,484 ▼	-0.23%	5.6%	17.0x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,215 ▼	-0.10%	7.3%	17.8x	2.5x
DXY		101.3 ▼	-0.08%	3.0%		
USDVND		26,288 ▼	-0.046%	0.0%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

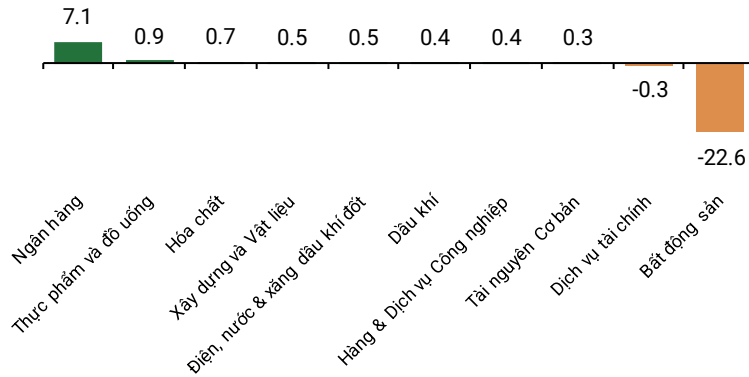
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▲	1.60%	-20.5%	20.2%	7.9%
Dầu WTI	▲	2.02%	-19.2%	23.0%	7.8%
Khí gas	▬	0.4%	-1.4%	-12.0%	-13.2%
Than cốc (*)	▬	0.0%	12.6%	24.3%	57.0%
Thép HRC (*)	▼	-0.2%	-2.6%	1.6%	3.8%
PVC (*)	▼	-1.0%	-10.5%	-4.5%	-11.5%
Phân Urea (*)	▼	-6.6%	-22.7%	1.5%	-4.9%
Cao su thiên nhiên	▲	1.8%	-7.3%	18.0%	31.4%
Bông Cotton	▬	0.0%	-5.9%	11.5%	6.1%
Đường	▬	0.6%	0.1%	-6.3%	-11.0%
World Container Index	▬	0.0%	48.8%	88.2%	39.7%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-5.0%	-7.4%	45.1%	91.0%
Vàng	▼	-1.45%	-11.3%	-6.7%	23.1%
Bạc	▼	-2.72%	-23.6%	-19.7%	59.9%

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



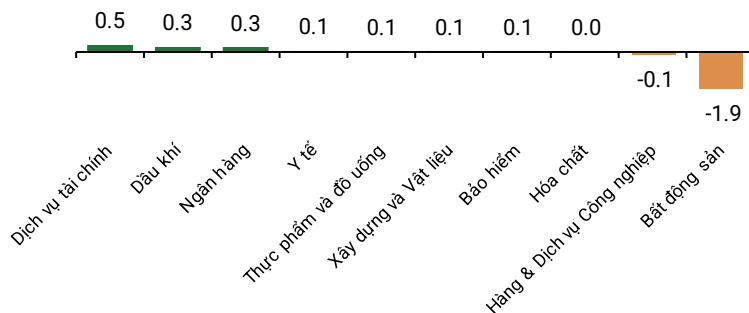
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

+0.43 (HDB)	-0.08 (OCB)
+0.48 (STB)	-0.09 (VNM)
+0.50 (CTG)	-0.11 (VPL)
+0.51 (VPB)	-0.11 (VJC)
+0.60 (MBB)	-0.14 (FPT)
+0.60 (TCB)	-0.19 (SAB)
+0.89 (MCH)	-0.35 (TCX)
+1.07 (VCB)	-0.39 (VRE)
+1.08 (LPB)	-4.98 (VHM)
+1.08 (BID)	-17.70 (VIC)

TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX

+11 (POW)	-39 (TCX)
+12 (MSN)	-39 (VPB)
+12 (CTD)	-41 (TCB)
+17 (ACB)	-44 (DCM)
+18 (SHB)	-48 (CTG)
+26 (HDB)	-57 (BSR)
+37 (PVD)	-62 (MBB)
+39 (HPG)	-73 (FPT)
+57 (VCB)	-81 (VIC)
+84 (MWG)	-420 (VHM)

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

+0.04 (BVS)	-0.02 (TVC)
+0.04 (IDJ)	-0.02 (TKU)
+0.08 (CEO)	-0.02 (CTB)
+0.11 (DNP)	-0.02 (DL1)
+0.11 (SHS)	-0.03 (PHN)
+0.12 (DHT)	-0.03 (HGM)
+0.15 (IDC)	-0.05 (KSV)
+0.26 (MBS)	-0.07 (NTP)
+0.33 (PVS)	-0.07 (BAB)
+0.37 (NVB)	-2.18 (KSF)

TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

+0.1 (IDJ)	-0.1 (C69)
+0.1 (DTD)	-0.1 (PVB)
+0.1 (L14)	-0.2 (MST)
+0.1 (NTP)	-0.2 (PCH)
+0.2 (VFS)	-0.2 (APS)
+0.4 (NVB)	-0.3 (KSF)
+1.2 (BVS)	-1.1 (MBS)
+4.2 (IDC)	-1.6 (VC3)
+4.8 (TNG)	-1.7 (SHS)
+9.4 (PVS)	-3.5 (CEO)

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



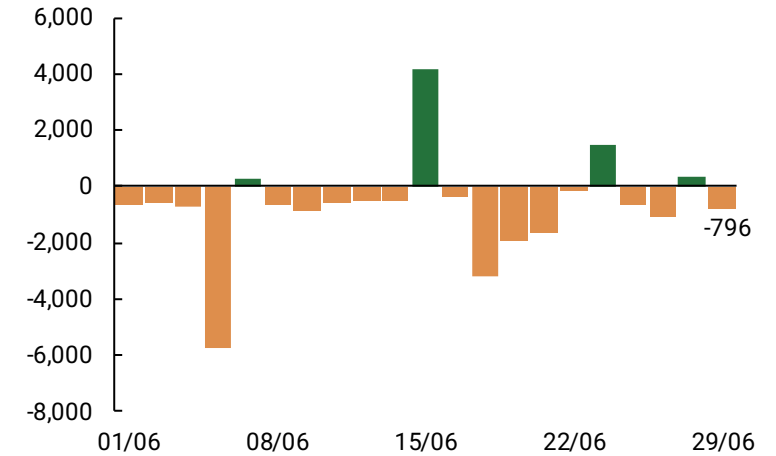
	VHM	VIC	STB	TCB	SHB
%DoD	-3.7%	-4.7%	1.6%	1.2%	-0.4%
Giá trị	918	799	667	476	447

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	HCM	VJC	MSN	VIX	KBC
%DoD	0.2%	-0.5%	1.0%	-0.3%	1.9%
Giá trị	921	503	485	449	427

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



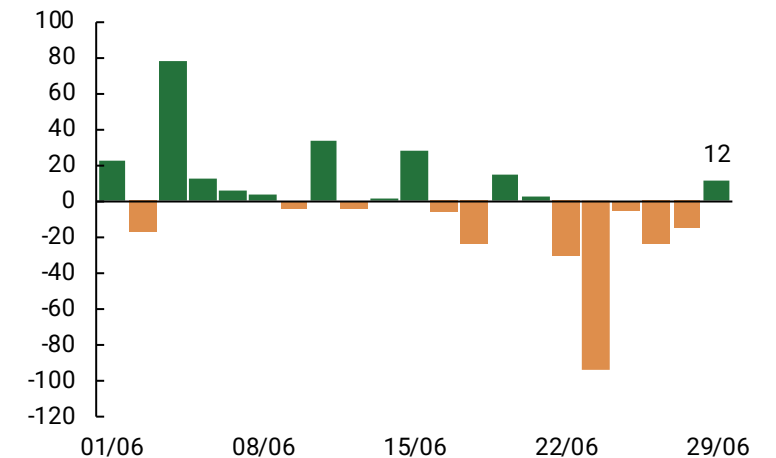
	PVS	SHS	CEO	VC3	MBS
%DoD	2.7%	1.1%	1.4%	0.4%	2.0%
Giá trị	81	80	41	36	35

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	SHS	IDC	HUT	KDM	DNP
%DoD	1.1%	1.5%	0.0%	1.5%	6.2%
Giá trị	401	32	2	1	0

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến đỏ thân nhỏ, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1750 | 1825.
- ✓ Kháng cự: 1880 | 1920.
- ✓ MACD giữ đà đi lên trong khi RSI hạ nhiệt.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong giai đoạn điều chỉnh.

Kịch bản: Vận động tiếp tục giằng co quanh khu vực 1850 điểm. Thanh khoản thấp cũng hàm ý trạng thái lưỡng lự chi phối. Dù vậy, chỉ báo RSI đã hạ nhiệt về cận ngưỡng trung bình, cho thấy lực cầu có phần suy yếu. Nếu lực mua không cải thiện trong các phiên tới, áp lực điều chỉnh có thể chi phối hơn, với hỗ trợ gần cần chú ý quanh ngưỡng 1825 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Spinning Top, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1900 | 1970.
- ✓ Kháng cự: 2020 | 2070.
- ✓ MACD giữ đà đi lên trong khi RSI hạ nhiệt.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong giai đoạn điều chỉnh.

Kịch bản: VN30 tiếp tục biến động quanh mốc tâm lý 2000 điểm. Dù vậy, thanh khoản sụt giảm cho thấy lực cầu trở lại thận trọng. Vận động khả năng còn rung lắc, kiểm định thêm cung cầu quanh mốc tâm lý này. Kháng cự cao hơn trong chiều bút phá quanh ngưỡng 2050 điểm, trong khi hỗ trợ gần được nâng lên quanh mức 1970 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	POW	TAKE PROFIT	Current price	14.8		P/E (x)	13.2
Exchange	HOSE		Action price	13.8 - 13.9		P/B (x)	1.2
Sector	Conventional Electricity		Take profit price (29/6)	15 - 15.2	9.0%	EPS	1121.7
					ROE	9.2%	
					Stock Rating	BB	
					Scale Market Cap	Large	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá tiếp cận vùng mục tiêu 15.1 – 15.4 nhưng lực cung chi phối.
 - Chỉ báo RSI cũng gần tiến vào vùng quá mua 70 có thể khiến động lượng tăng chững lại.
 - Thanh khoản vượt trung bình 20 phiên nhưng giá chưa thể bứt phá.
- ➔ Xu hướng khả năng hạ nhiệt để tái tạo đà.
- ➔ Khuyến nghị Chốt lời, có thể tận dụng các nhịp tăng rớt.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	POW	Chốt lời	29/06/2026	14.8	15 - 15.2	9.0%	15.4	11.2%	13.2	-4.7%	Cập nhật trên Elite Picks

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	MBB	Mua	05/05/2026	-	25.1	25.9 - 26.1	-3.5%	29	11.5%	24.4	-6.2%	
2	VCB	Mua	28/05/2026	-	62.0	63 - 63.5	-2.0%	70	10.7%	60	-5.1%	
3	VLB	Mua	11/06/2026	-	49.3	47.2 - 48	3.5%	52	9.2%	45.5	-4.4%	
4	DHC	Mua	11/06/2026	-	33.1	32.2 - 32.5	2.2%	35.5	9.7%	30.5	-5.7%	
5	SHS	Mua	15/06/2026	-	18.4	18.7 - 18.9	-2.1%	20.8	10.6%	17.8	-5.3%	
6	TPB	Mua	17/06/2026	-	16.4	16.1 - 16.4	0.6%	18	10.8%	15.5	-4.6%	
7	NAB	Mua	22/06/2026	-	13.2	12.2 - 12.4	6.9%	13.6	10.6%	11.6	-5.7%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2010, giảm 2 điểm (-0.1%). Áp lực điều chỉnh chiếm ưu thế trong phần lớn thời gian giao dịch, nhưng lực cầu đã tham gia tốt tại các vùng hỗ trợ giúp giá cân bằng.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, giá tạo mẫu hình nến Doji chuẩn chuẩn, cho thấy phản ứng kiểm định tốt ngưỡng tâm lý 2000 điểm, khu vực cận đây vẫn đóng vai trò hỗ trợ xu hướng. Chỉ báo MACD dù cắt xuống đường tín hiệu nhưng chưa mở rộng, hàm ý trạng thái hạ nhiệt lạnh mạnh. Vị thế Long có thể tham gia khi vận động vẫn giữ trên ngưỡng 2012. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1998.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1934.8, giảm 1.4 điểm (-0.07%). Độ lệch basis 1.6 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 17 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1925 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1950 điểm.

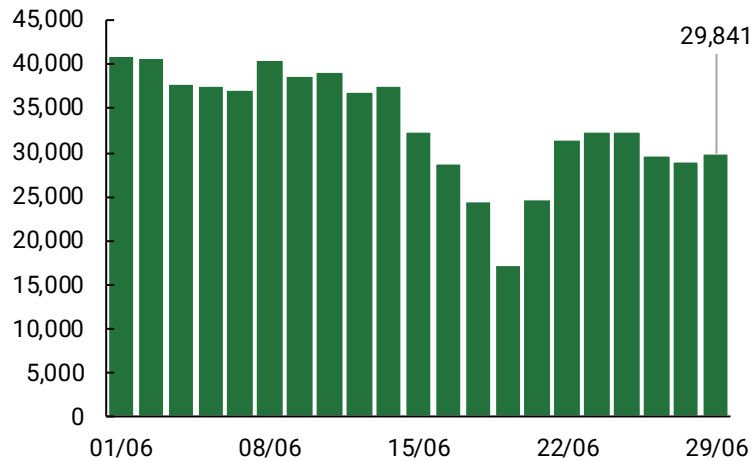
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 2012	2025	2003	13 : 9
Short	< 1998	1984	2005	14 : 7

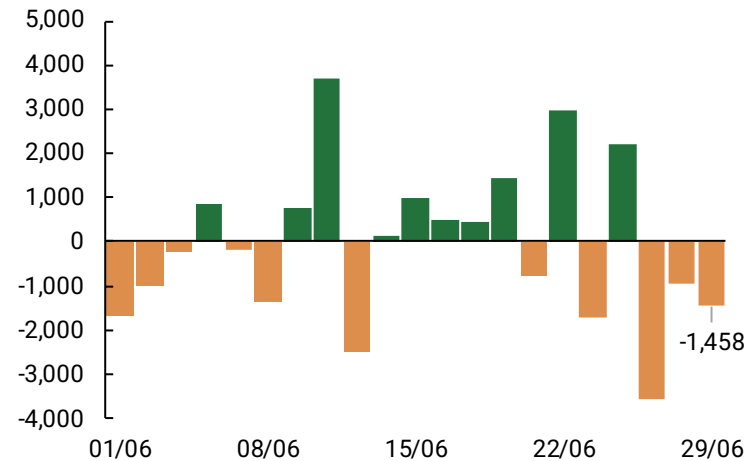
Thống kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111GC000	2,005.6	0.0	26	717	2,018.5	-12.9	17/12/2026	171
4111G9000	2,009.8	-2.6	19	598	2,010.9	-1.1	17/09/2026	80
4111G8000	2,008.9	-3.6	182	505	2,008.6	0.3	20/08/2026	52
4111G7000	2,010.0	-2.0	114,705	29,841	2,005.7	4.3	16/07/2026	17
4112G7000	1,934.8	-1.4	17	30	1,934.5	0.3	16/07/2026	17

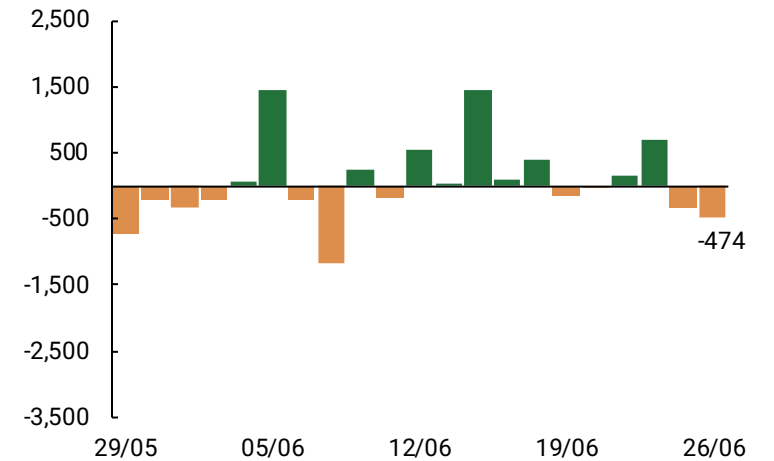
Khối lượng mở (Open interest)



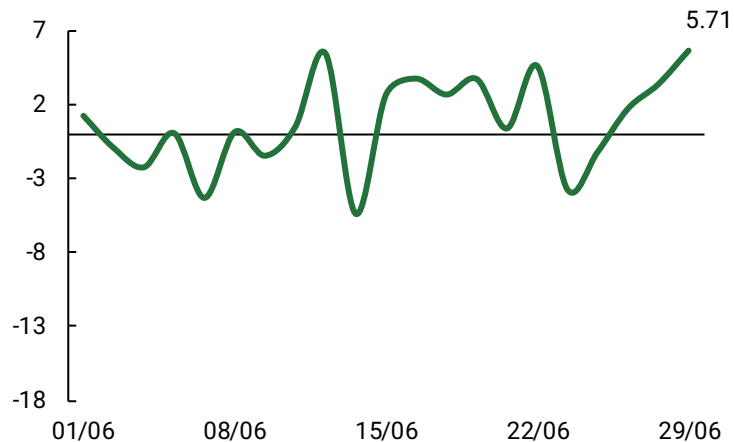
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



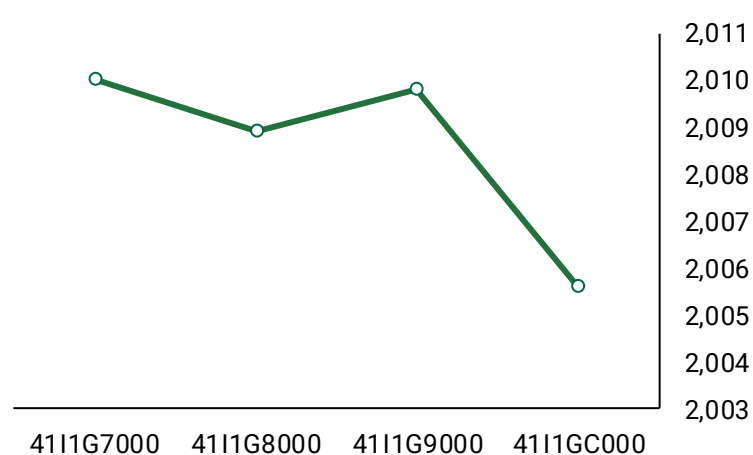
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



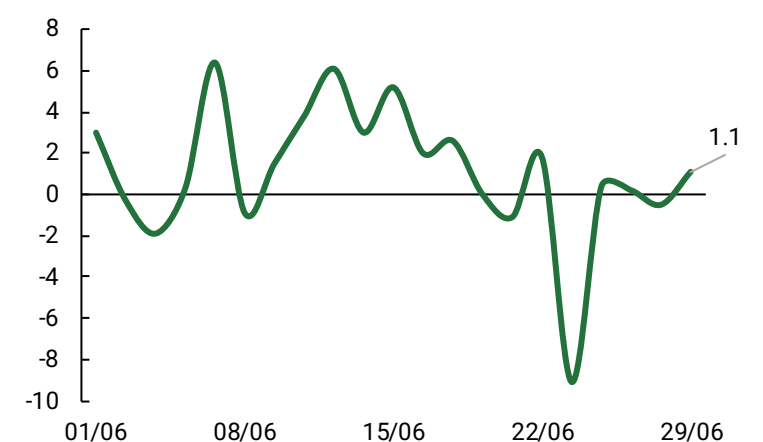
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



THÔNG TIN VĨ MÔ

- 01/06 Việt Nam, Mỹ - Chỉ số PMI
- 03/06 Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 5 và 5 tháng đầu năm
- 05/06 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 10/06 Mỹ - Chỉ số CPI
Trung Quốc - Chỉ số CPI, PPI
- 11/06 Mỹ - Chỉ số PPI
- 13/06 Việt Nam - VNM ETF công bố danh mục
- 16/06 Trung Quốc - Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
Nhật Bản – BoJ công bố lãi suất
- 17/06 Mỹ - Doanh số bán lẻ
- 18/06 Việt Nam - Đáo hạn hợp đồng phái sinh
Mỹ - FED công bố lãi suất
Anh - BoE công bố lãi suất
- 24/06 Việt Nam - MSCI công bố kết quả xếp hạng thị trường
- 25/06 Mỹ - Chỉ số PCE, dữ liệu GDP sau cùng

Chính phủ cập nhật kịch bản tăng trưởng, phấn đấu GDP năm 2026 từ 10% trở lên: Chính phủ ban hành Nghị quyết 168/NQ-CP cập nhật kịch bản tăng trưởng và các giải pháp trọng tâm trong những quý còn lại của năm. Mục tiêu được đặt ra là phấn đấu tăng trưởng kinh tế từ 10% trở lên, đồng thời giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô. Các giải pháp trọng tâm dự kiến tập trung vào thúc đẩy đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu và cải thiện hiệu quả điều hành chính sách.

Fed phát tín hiệu cứng rắn hơn, kỳ vọng tăng lãi suất trong năm nay tăng mạnh: Một số quan chức Fed chuyển sang thận trọng hơn trước áp lực lạm phát, trong đó Chủ tịch Fed Minneapolis Neel Kashkari cho biết đã thay đổi đáng kể quan điểm chính sách chỉ trong vài tháng. Thị trường hiện gia tăng kỳ vọng Fed có thể nâng lãi suất trong năm nay, khiến triển vọng USD, lợi suất trái phiếu và nhóm tài sản rủi ro tiếp tục nhạy cảm với dữ liệu lạm phát sắp tới.

BIS cảnh báo kinh tế toàn cầu đối mặt rủi ro từ nợ công, AI và bất ổn tài chính: Ngân hàng Thanh toán Quốc tế cảnh báo các nền kinh tế cần ưu tiên kiểm soát lạm phát, đảm bảo bền vững tài khóa và tăng cường giám sát khu vực tài chính ngoài ngân hàng. Bên cạnh rủi ro nợ công, sự phát triển nhanh của AI cũng có thể tạo ra biến động mới trên thị trường tài sản và hệ thống tài chính. BIS cho rằng việc trì hoãn điều chỉnh chính sách có thể khiến chi phí xử lý rủi ro trong tương lai lớn hơn.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

VHM - Chốt chi hơn 24,600 tỷ đồng cổ tức tiền mặt: Vinhomes chốt quyền trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt với tỷ lệ 60%, tương ứng 6,000 đồng/cp. Với hơn 4.1 tỷ cổ phiếu đang lưu hành, doanh nghiệp dự kiến chi hơn 24,600 tỷ đồng; trong đó công ty mẹ Vingroup có thể nhận khoảng 17,700 tỷ đồng. Đây là lần đầu VHM chi trả cổ tức trở lại kể từ năm 2021 và cũng là mức cổ tức cao nhất từ trước tới nay.

HVN - Đặt kế hoạch lợi nhuận giảm mạnh trong năm 2026: Vietnam Airlines trình kế hoạch doanh thu năm 2026 gần 139,000 tỷ đồng, nhưng LNST chỉ còn khoảng 22 tỷ đồng do áp lực giá nhiên liệu và chi phí khai thác. Doanh nghiệp cho biết đã hoàn tất tăng vốn đợt 1 gần 9,000 tỷ đồng và dự kiến triển khai đợt 2 quy mô 13,000 tỷ đồng để bổ sung thanh khoản, đầu tư đội bay và hạ tầng tại Long Thành, Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Gia Bình.

SAB - Chốt quyền chi gần 3,840 tỷ đồng cổ tức còn lại năm 2025: Sabeco sẽ trả cổ tức còn lại năm 2025 bằng tiền mặt với tỷ lệ 30%, tương ứng 3,000 đồng/cp; ngày đăng ký cuối cùng là 29/7. Với hơn 1.28 tỷ cổ phiếu lưu hành, SAB dự kiến chi gần 3,840 tỷ đồng trong đợt này; tính cả đợt tạm ứng trước đó, tổng tỷ lệ cổ tức năm 2025 đạt 50%.

DCM - Sắp chi hơn 1,000 tỷ đồng trả cổ tức tiền mặt: Đạm Cà Mau dự kiến trả cổ tức năm 2025 bằng tiền với tỷ lệ 20%, tương ứng 2,000 đồng/cp và tổng số tiền chi trả khoảng 1,058.8 tỷ đồng. Nửa đầu năm 2026, doanh thu bộ sản phẩm đạt hơn 11,800 tỷ đồng, sản lượng tiêu thụ hơn 900,000 tấn và hoàn thành hơn 59% kế hoạch năm.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	52,300	73,400	40.3%	Mua
CTG	33,900	45,200	33.3%	Mua
CTD	72,000	82,900	15.1%	Tăng tỷ trọng
DBD	52,400	68,000	29.8%	Mua
DDV	22,858	35,900	57.1%	Mua
DGW	40,250	47,500	18.0%	Tăng tỷ trọng
DPG	38,100	42,300	11.0%	Tăng tỷ trọng
DPR	38,450	46,500	20.9%	Mua
DRI	13,220	17,200	30.1%	Mua
EVF	13,200	14,400	9.1%	Nắm giữ
FRT	119,000	151,000	26.9%	Mua
GMD	73,600	92,700	26.0%	Mua
HAH	52,000	60,300	16.0%	Tăng tỷ trọng
HDG	20,800	30,900	48.6%	Mua
HHV	11,600	12,300	6.0%	Nắm giữ
HPG	23,650	30,700	29.8%	Mua
IMP	41,350	55,000	33.0%	Mua
KDH	21,650	38,800	79.2%	Mua
MCH	131,000	177,200	35.3%	Mua
MWG	79,000	115,600	46.3%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	25,100	34,000	35.5%	Mua
NLG	26,400	39,400	49.2%	Mua
NT2	23,050	27,700	20.2%	Mua
PHR	62,000	72,800	17.4%	Tăng tỷ trọng
PNJ	63,200	75,500	19.5%	Tăng tỷ trọng
PVS	38,500	39,900	3.6%	Nắm giữ
PVT	19,950	18,900	-5.3%	Giảm tỷ trọng
POW	14,800	15,000	1.4%	Nắm giữ
SAB	48,000	57,900	20.6%	Mua
SSI	26,600	32,100	20.7%	Mua
TLG	49,250	50,900	3.4%	Nắm giữ
TCB	33,800	41,700	23.4%	Mua
TCM	20,100	35,300	75.6%	Mua
TRC	75,000	94,800	26.4%	Mua
VCB	62,000	84,200	35.8%	Mua
VPB	27,050	36,500	34.9%	Mua
VCG	20,950	26,200	25.1%	Mua
VHC	60,000	58,000	-3.3%	Giảm tỷ trọng
VNM	56,100	66,650	18.8%	Tăng tỷ trọng

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801